

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2021

**V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Thái

2. Ông Nguyễn Văn Quang

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1985.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Sơn N, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Khu phố 5, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà N có mặt, ông N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N có nội dung như sau:**

Bà và ông Nguyễn Sơn N tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2012, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân

phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 15/4/2013. Sau khi đám cưới, vợ chồng bà dọn về sống chung tại khu phố 5, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N không quan tâm vợ con, thường xuyên về nhà muộn, say xỉn, đi làm có tiền nhưng không đưa cho vợ để lo cho gia đình, quan hệ trai gái, bà nhiều lần khuyên can nhưng ông N không từ bỏ. Hiện bà và ông N mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên khởi kiện yêu cầu ly hôn ông N.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã K, sinh ngày 12/11/2013 (đã chết) và Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 12/11/2016, giới tính nữ. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu ông Nghiêm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về phía bị đơn – Ông Nguyễn Sơn N:** Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa hôm nay ông N vẫn vắng mặt không lý do.

* Qua xác minh thì vợ chồng bà N, ông N có mâu thuẫn như bà N trình bày.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh N là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà N được ly hôn ông N; Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 12/11/2016, giới tính nữ cho bà N nuôi dưỡng; Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Nguyễn Sơn N có địa chỉ tại khu phố 5, phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Sơn N vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

3.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thanh N và ông Nguyễn Sơn N tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức đám cưới vào năm 2012, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Phước Hội, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 15/4/2013, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp kể từ khi đăng ký kết hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án nhiều lần khuyên can nhưng bà N vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông N vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Nguyễn Sơn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy ông N bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà N, ông N thì xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông N không quan tâm vợ con, thường xuyên về nhà muộn, say xỉn, đi làm có tiền nhưng không đưa cho vợ để lo cho gia đình, quan hệ trai gái, bà N nhiều lần khuyên can nhưng ông N không từ bỏ cho nên vợ chồng bà N, ông N mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Qua đó cho thấy, hành vi của ông N làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đó là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. **Về con chung:** Vợ chồng bà N, ông N có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã K, sinh ngày 12/11/2013 (đã chết) và Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 12/11/2016, giới tính nữ. Hội đồng xét xử nhận thấy khi ly hôn bà N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và hiện nay cháu T mới hơn 04 tuổi và là con gái. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của cháu đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và tinh thần. Hội đồng xét xử sẽ giao cháu T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3. **Về cấp dưỡng nuôi con:** Do bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà N hiểu rằng việc yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con là quyền lợi của con nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên, bà N trình bày rằng việc không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, bà có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử không buộc ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

3.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn”

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn ông Nguyễn Sơn N.

2. Về nuôi con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã T, sinh ngày 12/11/2016, giới tính nữ cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004657 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/4/2021). Ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn